TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Lương Văn Cẩu

Ông Nguyễn Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 315/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về "*tranh chấp Ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 235/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2023, giữa:

-Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1996. Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang;

- Bị đơn: Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lâm Thanh S tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu, mỗi lần nhậu về ông S1 kiếm

chuyện và chửi bà, nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Kiên Giang sống cho đến nay. Bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Thanh S do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

-Về con chung: có 01 con chung: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25.01.2015. Hiện con chung đang sống với bà, bà N yêu cầu nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt – có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Lâm Thanh S vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Trần Văn C không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn ông Lâm Thanh S theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về con chung: ông bà có 01 con chung: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25.01.2015. Hiện con chung đang sống với bà, bà N yêu cầu nuôi dưỡng cháu. Nhận thấy, cháu H cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ, nên để bảo đảm về mọi mặt cho cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+ Bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Lâm Thanh S. Ông Lâm Thanh S có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" là đúng theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Lâm Thanh S đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N, bị đơn ông Lâm Thanh S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lâm Thanh S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N trình bày, do ông S thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu, mỗi lần nhậu về ông S1 kiếm chuyện và chửi bà, nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Kiên Giang sống cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Thanh S do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lâm Thanh S tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì một trong các bên không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng bà N không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn.

Bị đơn ông Lâm Thanh S không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà N, không đến tham gia hòa giải để vợ chồng có thể hàn gắn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N.

[2.3]. Về con chung: Ông bà có 01 con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/01/2015. Hiện con chung đang sống với bà, bà N yêu cầu nuôi dưỡng

Xét thấy, hiện nay con chung đang sống với bà N, bản thân cháu H có tờ trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do đó, để ổn định về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho bà N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà Như không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Thanh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn ông Lâm Thanh S vắng mặt không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông bà tranh chấp, một trong các bên có đơn khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Lâm Thanh S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/01/2015.

Ông Lâm Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nguyễn Thị Kim N không có yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Thanh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004565 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N, bị đơn ông Lâm Thanh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.H Châu Thành'
- TAND.tỉnh An Giang;
- UBND xã An Hoà;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Xuân Bích